BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2024/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (BQLDA) sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Chủ đầu tư, BQLDA do chủ đầu tư thành lập, BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực được thành lập theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý dự án.

3. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ: Thực hiện quản lý dự án theo điều ước quốc tế, thỏa thuận với nhà tài trợ về ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. Trường hợp không có quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận với nhà tài trợ, pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chủ đầu tư, BQLDA thuộc đơn vị sự nghiệp công lập (sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư): Thực hiện trình tự, nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Thông tư này. Cơ chế tài chính (định mức chi của các khoản chi, chi phí tiết kiệm và định mức khác chi cho các chi phí khác có liên quan đến

quản lý dự án) và thẩm quyền thẩm định, thẩm tra, phê duyệt dự toán, quyết toán thực hiện theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

Điều 2. Nguồn thu và phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA đối với dự án được giao quản lý

1. Nguồn thu:

a) Thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, bao gồm: Nguồn trích chi phí quản lý dự án và nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý.

b) Thu hợp pháp khác của chủ đầu tư, BQLDA theo quy định, bao gồm: Thu từ hoạt động tư vấn cho các dự án khác và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

c) Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

2. Phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA đối với dự án được giao quản lý: Căn cứ vào nội dung, khối lượng công việc, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA, Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư quyết định bằng văn bản tỷ lệ phân chia khoản thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA (nếu có) và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Điều 3. Tài khoản giao dịch

1. Đối với nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và pháp luật có liên quan: Chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch để quản lý.

2. Đối với nguồn thu không thuộc dự án được giao quản lý, các Quỹ được trích lập theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Chủ đầu tư, Ban QLDA được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý.

Điều 4. Phân loại Ban quản lý dự án

1. BQLDA nhóm I, gồm: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án, BQLDA do chủ đầu tư thành lập theo đúng quy định của pháp luật (trừ BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực là đơn vị sự nghiệp công lập).

2. BQLDA nhóm II, gồm: BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
LẬP DỰ TOÁN THU, CHI HẰNG NĂM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 5. Dự toán thu, chi hằng năm của chủ đầu tư, BQLDA

1. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt 01 dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện quản lý, sử dụng. Trường hợp lập dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng, cần xác định rõ các nội dung chi của chủ đầu tư và các nội dung chi của BQLDA.

2. Hằng năm, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ thời gian thực hiện dự án, hình thức tổ chức quản lý dự án, quy mô và đặc điểm công việc quản lý dự án, các chế độ chính sách có liên quan để xác định chi phí quản lý dự án của từng dự án cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ, công việc quản lý dự án trong năm và chịu trách nhiệm về nội dung này. Các khoản thu từ chi phí của dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào vốn của dự án đó. Chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức, thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

3. Dự toán thu, chi hằng năm được lập theo quy định tại Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Lập dự toán thu

Dự toán thu bao gồm các khoản thu theo quy định tại Điều 2 Thông tư này; trong đó nguồn chi phí trích của từng dự án được giao quản lý được thực hiện như sau:

Chủ đầu tư xác định nguồn chi phí trích của từng dự án được giao quản lý và dự kiến số thu để triển khai quản lý dự án cho các năm triển khai thực hiện dự án để ghi vào Mẫu số 01(i)/DT-QLDA - Bảng nguồn chi phí quản lý dự án; (i) sẽ chạy từ 1 đến n đối với trường hợp chủ đầu tư được giao quản lý nhiều dự án, cụ thể như sau:

$$G_{QLDA\ (CĐT)} = G_{QLDA} + G_{TV} + G_K - G_T$$

$G_{QLDA(CĐT)}$: Chi phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng theo từng dự án trong suốt quá trình quản lý dự án.

G_{QLDA}: Chi phí quản lý dự án của dự án được xác định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

G_{TV}: Chi phí tư vấn của dự án do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện được xác định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

$G_{K:}$ Chi phí khác do chủ đầu tư, BQLDA được phép thực hiện theo quy định của pháp luật.

G_T: Chi phí mà chủ đầu tư, BQLDA cần phải thuê để thực hiện trong quá trình quản lý dự án.

Điều 7. Cơ sở lập dự toán thu, chi

1. Quyết định thành lập BQLDA theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự toán.

3. Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với các khoản thu và chi phí quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

4. Nguồn thu quy định tại Điều 2, Điều 6 Thông tư này. Trường hợp đến thời điểm lập dự toán chưa xác định được cụ thể, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ vào tình hình thực tế để dự kiến nguồn thu và chịu trách nhiệm về nội dung này.

5. Các quy định về trích chi phí hiện hành.

6. Bảng tính lương năm của từng người lao động tham gia quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với chủ đầu tư, BQLDA.

8. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được xây dựng, ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

9. Các căn cứ khác của dự án (nếu có).

Mục 2
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM I

Điều 8. Nội dung dự toán chi của BQLDA nhóm I

1. Nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Đối với chủ đầu tư, BQLDA quản lý dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc cơ quan hành chính nhà nước: Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

3. Đối với chủ đầu tư, BQLDA quản lý dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc doanh nghiệp: Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt dự toán hằng năm của BQLDA nhóm I

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt

a) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc cơ quan hành chính nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán.

b) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc doanh nghiệp: Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt dự toán:

a) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự toán, quyết định thành lập BQLDA (trường hợp có thành lập BQLDA).

b) Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng tính lương năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung thẩm định dự toán:

a) Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, sự phù hợp trong việc phân bổ nguồn chi phí cho các năm trong Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này đối với nhiệm vụ được giao năm kế hoạch.

b) Thẩm định sự phù hợp thu và nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 03/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước.

4. Thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán:

a) Thời hạn thẩm định, phê duyệt dự toán: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Thời gian phê duyệt dự toán: Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán năm kế hoạch phải được phê duyệt theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Điều chỉnh dự toán năm:

a) Trong quá trình sử dụng, BQLDA nhóm I được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh số tiền giữa các nội dung chi trong phạm vi dự toán năm đã được duyệt. Trường hợp thu không đạt dự toán thì BQLDA nhóm I phải điều chỉnh dự toán chi cho phù hợp, đảm bảo dự toán chi không được vượt dự toán thu. Trường hợp dự toán thu hoặc dự toán chi hoặc cả dự toán thu và dự toán chi vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

b) BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm rà soát, lập dự toán thu, chi điều chỉnh (nếu có) gửi chủ đầu tư để thẩm định, đảm bảo dự toán điều chỉnh (nếu có) phải được chủ đầu tư phê duyệt chậm nhất đến ngày 25 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

c) Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt, nội dung thẩm định, thời gian thẩm định: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này.

6. Dự toán sau khi được duyệt hoặc điều chỉnh, BQLDA nhóm I phải gửi đến người quyết định phê duyệt dự án đầu tư để theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; cơ quan kiểm soát, thanh toán để thực hiện kiểm soát, thanh toán; các đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 10. Quyết toán thu, chi hằng năm của BQLDA nhóm I

1. Khi kết thúc năm kế hoạch, BQLDA nhóm I lấy ý kiến xác nhận của cơ quan kiểm soát, thanh toán để chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau BQLDA nhóm I lập báo cáo quyết toán thu, chi theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi hằng năm:

a) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc cơ quan hành chính nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

Trước khi phê duyệt quyết toán thu, chi năm, chủ đầu tư dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán kèm theo nội dung thẩm tra quyết toán của chủ đầu tư (kèm hồ sơ báo cáo quyết toán do BQLDA nhóm I lập) gửi lấy ý kiến của đơn vị có chức năng quản lý tài chính trực thuộc cấp quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý) để có ý kiến.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, đơn vị được gửi lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản trả lời chủ đầu tư về sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA với dự toán được duyệt và quy định của nhà nước để chủ đầu tư thực hiện phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc doanh nghiệp: Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

3. Phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý hằng năm:

Trường hợp BQLDA nhóm I trực tiếp quản lý từ 02 dự án trở lên, hằng năm BQLDA nhóm I thực hiện phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Chi phí đã xác định để chi cho dự án cụ thể: Phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Chi phí không xác định được chi cho dự án cụ thể: Phân bổ theo tỷ lệ chi phí tương ứng với giá trị khối lượng nhiệm vụ, công việc trong năm của dự án do BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm xác định.

4. Hồ sơ báo cáo quyết toán năm:

a) Tờ trình phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Bảng tổng hợp quyết toán thu, chi theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng kê các chứng từ chi phát sinh trong năm do BQLDA nhóm I lập.

d) Quyết định phê duyệt dự toán năm, quyết định điều chỉnh dự toán năm (nếu có), Quyết định phê duyệt quyết toán của năm trước (nếu có).

5. Thời gian thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán thu, chi: Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán năm hợp pháp, hợp lệ.

6. Nội dung thẩm tra:

a) Thẩm tra việc sử dụng các khoản thu trong năm kế hoạch.

b) Thẩm tra, đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này với định mức được trích, chế độ do nhà nước ban hành và dự toán được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có).

c) Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các nội dung thu, chi theo dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh.

d) Thẩm tra sự phù hợp của phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể thực hiện trong năm kế hoạch.

7. Mẫu biểu phê duyệt quyết toán thu, chi: Theo Mẫu số 01.QĐ/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Khoản chênh lệch nguồn thu được quyết toán lớn hơn số đã chi được quyết toán được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau.

9. Quyết toán chi phí của dự án do BQLDA nhóm I quản lý sau khi hoàn thành:

a) Đối với BQLDA nhóm I quản lý 01 dự án: Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, BQLDA nhóm I lập báo cáo quyết toán kèm theo Hồ sơ báo cáo quyết toán năm cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án xem xét thẩm tra để báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư phê duyệt chung trong quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Đối với BQLDA nhóm I quản lý từ 02 dự án trở lên: Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí được quyết toán là tổng hợp các chi phí đã được phân bổ, phê duyệt hằng năm của dự án và chi phí của dự án đã thực hiện (chưa được phê duyệt phân bổ hằng năm cho dự án) do BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm xác định.

c) Đối với các chi phí do BQLDA nhóm I tự thực hiện của dự án do BQLDA nhóm I được giao quản lý:

Chi phí được quyết toán tối đa không vượt chi phí được duyệt (hoặc điều chỉnh) trong tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) của dự án và được phê duyệt chung trong quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Riêng quyết toán đối với dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công dở dang, chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát của BQLDA nhóm I được quyết toán trên cơ sở giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định. Trường hợp chi phí quyết toán lớn hơn chi phí được tính theo giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định, BQLDA nhóm I báo cáo người quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định.

Mục 3
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM II

Điều 11. Nguồn thu và giao quyền tự chủ tài chính của BQLDA nhóm II

1. Nguồn thu của BQLDA nhóm II: Gồm các nguồn thu quy định tại Điều 2 Thông tư này. Nguồn thu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 là nguồn thu xác định mức tự chủ tài chính của đơn vị.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng của BQLDA nhóm II cho các chủ đầu tư, BQLDA khác phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của đơn vị.

2. Giao quyền tự chủ tài chính và xác định kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), quy chế chi tiêu nội bộ và phân phối kết quả tài chính trong năm: Thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Lập và chấp hành dự toán hằng năm của BQLDA nhóm II

1. Lập, phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó lưu ý một số nội dung sau:

a) Về nguồn thu và nhiệm vụ chi: Trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi trong năm). Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ chi trong năm kế hoạch và nguồn thu tương ứng với nhiệm vụ chi chưa hoàn thành trong năm được duyệt trong dự toán năm) để chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Về Mẫu biểu: Thực hiện theo các Mẫu số 01(i)/DT-QLDA, 02/DT-QLDA, 03/DT-QLDA, 02/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Về thời hạn phê duyệt: Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán năm kế hoạch phải được phê duyệt; chậm nhất đến ngày 25 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, dự toán điều chỉnh (nếu có) năm kế hoạch phải được phê duyệt.

d) Đối với BQLDA có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp: Việc lập, phân bổ, giao dự toán, thời hạn phê duyệt và thực hiện dự toán được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Dự toán thu, chi sau khi được duyệt hoặc điều chỉnh, BQLDA nhóm II phải gửi đến cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện; cơ quan kiểm soát, thanh toán để thực hiện kiểm soát, thanh toán; các đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 13. Quyết toán thu, chi hằng năm của BQLDA nhóm II

Kết thúc năm kế hoạch, BQLDA nhóm II lập báo cáo quyết toán thu, chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Đối với BQLDA nhóm II thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là cơ quan trung ương): Cơ quan tài chính cùng cấp do Thủ trưởng cơ quan trung ương xác định, giao nhiệm vụ.

Đối với BQLDA nhóm II thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: Cơ quan tài chính cùng cấp là Sở Tài chính cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện theo phân cấp quản lý.

1. Hồ sơ báo cáo quyết toán năm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng kê các chứng từ chi phát sinh trong năm.

d) Quyết định phê duyệt dự toán năm, quyết định điều chỉnh dự toán năm (nếu có).

2. Phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý hằng năm

Trường hợp BQLDA nhóm II trực tiếp quản lý từ 02 dự án trở lên, hằng năm BQLDA nhóm II thực hiện phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Chi phí đã xác định để chi cho dự án cụ thể: Phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Chi phí không xác định được chi cho dự án cụ thể: Phân bổ theo tỷ lệ chi phí tương ứng với giá trị khối lượng nhiệm vụ, công việc trong năm của dự án do BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định.

3. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán hằng năm:

a) Cơ quan tài chính cùng cấp tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra việc phân bổ chi phí quản lý dự án, các khoản chi phí tư vấn và các khoản chi phí khác theo các năm và năm kế hoạch.

Đối chiếu số liệu trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này với dự toán thu, chi năm được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có).

Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ các nội dung thu, chi theo theo dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh.

4. Thời hạn thẩm tra và phê duyệt quyết toán: Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán năm hợp pháp, hợp lệ, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra và Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi theo Mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết toán chi phí của dự án do BQLDA nhóm II quản lý sau khi hoàn thành:

a) Đối với BQLDA nhóm II quản lý 01 dự án: Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, BQLDA nhóm II lập báo cáo quyết toán chi phí kèm theo Hồ sơ báo cáo quyết toán năm cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án thẩm tra để báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư phê duyệt chung trong quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Đối với BQLDA nhóm II quản lý từ 02 dự án trở lên: Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí được quyết toán của dự án là tổng hợp các chi phí đã được phân bổ hằng năm được phê duyệt của dự án và chi phí của dự án đã thực hiện (chưa được phê duyệt phân bổ hằng năm cho dự án) do BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định.

c) Đối với các chi phí do BQLDA nhóm II tự thực hiện của dự án được giao quản lý:

Chi phí được quyết toán tối đa không vượt chi phí được duyệt (hoặc điều chỉnh) trong tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) của dự án và được phê duyệt chung trong quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Riêng quyết toán đối với dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công dở dang, chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát của BQLDA nhóm II được quyết toán trên cơ sở giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định. Trường hợp chi phí quyết toán lớn hơn chi phí được tính theo giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định, BQLDA nhóm II báo cáo người quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của thủ trưởng chủ đầu tư, BQLDA nhóm I:

a) Chủ đầu tư: Chỉ đạo chủ đầu tư, BQLDA lập dự toán, quyết toán thu, chi để trình thẩm tra, phê duyệt, tổ chức thẩm định, thẩm tra và phê duyệt dự toán, quyết toán thu, chi đúng thời gian, nội dung quy định tại Thông tư này.

b) BQLDA nhóm I: Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của BQLDA, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ thu, chi; cung cấp kịp thời các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán thu, chi quản lý dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

2. Trách nhiệm của Giám đốc BQLDA nhóm II:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của BQLDA.

b) Thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt (hoặc điều chỉnh) dự toán và lập Hồ sơ quyết toán thu, chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra, phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

d) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, cơ chế tự chủ tài chính theo đúng quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

đ) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

e) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ thu, chi; cung cấp kịp thời các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán thu, chi quản lý dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

3. Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát, thanh toán

a) Kiểm soát, thanh toán việc sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA theo dự toán được duyệt đảm bảo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Đối chiếu, xác nhận chi phí đã thực hiện thuộc trách nhiệm kiểm soát, thanh toán tại báo cáo quyết toán thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA theo Mẫu số 01/QT-QLDA, Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

a) Quyết định phê duyệt phương án tự chủ về tài chính đối với các BQLDA nhóm II theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn.

b) Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

5. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp:

a) Kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu, chi theo quy định. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu, chi cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản với chủ đầu tư về quyết toán của BQLDA nhóm I và thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi của BQLDA nhóm II theo đúng quy định; trường hợp cần thiết được kiểm tra hồ sơ, chứng từ thu, chi của chủ đầu tư, BQLDA.

Điều 15. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

Trường hợp chủ đầu tư, BQLDA thực hiện dự toán thu, chi năm 2024 theo theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC, việc quyết toán thu, chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC.

Trường hợp chủ đầu tư, BQLDA lập hoặc điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2024 thì việc lập, thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh dự toán thu, chi, quyết toán thu, chi thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Bãi bỏ Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Khắng

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Số phụ lục	Tên mẫu biểu
1	Mẫu số: 01(i)/DT-QLDA	Bảng tính chi phí tư vấn, quản lý dự án (lập riêng cho từng dự án).
2	Mẫu số: 02/DT-QLDA	Bảng tính lương năm.
3	Mẫu số: 03/DT-QLDA	Dự toán thu, chi quản lý dự án năm.
4	Mẫu số: 01/QĐ-QLDA	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm của BQLDA nhóm I.
5	Mẫu số: 02/QĐ-QLDA	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm của BQLDA nhóm II.
6	Mẫu số: 01/QT-QLDA	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I.
7	Mẫu số: 01.QĐ/QT-QLDA	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I.
8	Mẫu số: 02/QT-QLDA	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của BQLDA nhóm II.
9	Mẫu số: 02.QĐ/QT-QLDA	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của BQLDA nhóm II.

Mẫu số: 01(i)/DT- QLDA
(Lập riêng cho từng dự án)

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày... tháng... năm...

BẢNG TÍNH CHI PHÍ TƯ VẤN, QUẢN LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư:
BQLDA:
Tên dự án:
Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng... năm.... đến tháng... năm....

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Ký hiệu
I	Chi phí quản lý dự án:	G_{QLDA}
II	Các khoản chi phí tư vấn do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện:	G_{TV}
1	.....	
...	.....	
III	Chi khác do chủ đầu tư, BQLDA thực hiện theo quy định của pháp luật (nếu có):	G_K
1	....	
...	....	
IV	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA cần thuê tư vấn (nếu có):	G_T
1	.....	
...	.....	
IV	Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng ($G_{QLDA\ (CĐT)}$ **= I + II + III - IV**): Trong đó: - Chủ đầu tư sử dụng: - BQLDA sử dụng:	$G_{QLDA\ (CĐT)}$

Dự kiến phân bổ cho các năm:

Đơn vị tính: đồng

Năm thực hiện	Tổng số	Chia ra	
		Chủ đầu tư sử dụng	BQLDA sử dụng
20…			
…			
Dự phòng			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01(i)/DT-QLDA lập riêng cho từng dự án (i). (i) sẽ chạy từ 1 đến n đối với trường hợp chủ đầu tư được giao quản lý nhiều dự án.

Mẫu số: 02/DT- QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày... tháng... năm...

BẢNG TÍNH LƯƠNG NĂM……

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp khác	Cộng hệ số	Tiền lương và phụ cấp một tháng (đồng)	Số tháng	Tiền lương và phụ cấp cả năm (đồng)
I	**Người lao động hưởng lương từ dự án**									
1										
2										
3	.....									
II	**Người lao động hưởng lương hợp đồng QLDA**									
1										
2										
3	.....									
	Tổng cộng (I+II)									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 03/DT- QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày... tháng... năm...

DỰ TOÁN THU, CHI
Năm...

A. Phần thu

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục dự án	Tổng nguồn thu theo dự án	Lũy kế nguồn đã thu các năm trước	Nguồn thu năm kế hoạch				Nguồn còn lại thu các năm sau
				Tổng số	Nguồn thu được sử dụng trong năm		Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
					Số tiền	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8= 5-6	9=3-4-5
	Tổng nguồn thu (I+II+III+IV)					**100**		
I	**Nguồn thu năm trước chuyển sang**							
1	Từ dự án được giao quản lý							
2	Từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị							
II	**Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý**							
1	**Nguồn trích chi phí quản lý dự án**							
1.1	Dự án...							
1.2	Dự án...							
...	...							
2	**Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý**							
2.1	Dự án...							
2.2	Dự án...							
...	...							
III	**Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)**							
1	Dự án...							
2	Dự án...							
...	...							
IV	**Nguồn NSNN cấp (nếu có)**							

B. Phần chi

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Năm báo cáo						Dự kiến mức chi năm kế hoạch			Ghi chú
		Dự toán được duyệt (điều chỉnh, bổ sung, nếu có)			Ước thực hiện						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
	Tổng cộng (I+II)										
I	**Chi thường xuyên giao tự chủ**										
1	Tiền lương										
2	Các khoản phụ cấp lương										
3	Các khoản trích nộp theo lương										
4	Khen thưởng										
5	Phúc lợi										
6	Thanh toán dịch vụ công cộng										
7	Mua vật tư văn phòng										
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc										
9	Hội nghị										
10	Thanh toán công tác phí										
11	Thuê mướn										
12	Đoàn đi công tác nước ngoài										
13	Đoàn vào										
14	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản										
15	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý										
16	Chi phí khác										
17	Dự phòng										
II	**Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)**										

Số TT	Nội dung	Năm báo cáo						Dự kiến mức chi năm kế hoạch			Ghi chú
		Dự toán được duyệt (điều chỉnh, bổ sung, nếu có)			Ước thực hiện						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
III	**Chi không thường xuyên**										
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN hỗ trợ										
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản										
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án										
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định										
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)										
1.5	Khác										
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp										
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản										
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án										
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định										
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)										

Ghi chú:

- Số TT 4 Mục I: Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.
- Số TT 5 Mục I: Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.
- Số TT 15 Mục I: Chỉ có ở BQLDA nhóm I.
- Mục II, III (Chi không thường xuyên): Chỉ có ở BQLDA nhóm II.

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 01/QĐ-QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

……, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt dự toán thu, chi năm...

THỦ TRƯỞNG CHỦ ĐẦU TƯ PHÊ DUYỆT

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt dự toán thu, chi năm….

Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

Giá trị dự toán được duyệt như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	**PHẦN THU**				
	Tổng cộng: (1)				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang				
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý				
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)				
4	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị				
5	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)				

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
B	**PHẦN CHI** [(2)]				
	Tổng cộng [(3)]				
1	Tiền lương				
2	Các khoản phụ cấp lương				
3	Các khoản trích nộp theo lương				
4	Khen thưởng				
5	Phúc lợi				
6	Thanh toán dịch vụ				
7	Mua vật tư văn phòng				
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền				
9	Hội nghị				
10	Công tác phí				
11	Thuê mướn				
12	Đoàn đi công tác nước ngoài				
13	Đoàn vào				
14	Sửa chữa thường xuyên tài sản				
15	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý				
16	Khác				
17	Dự phòng				

Điều 2. Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA, cơ quan kiểm soát, thanh toán *(cụ thể tên cơ quan)* và các đơn vị có liên quan *(chi tiết các tên đơn vị liên quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

[(1)] Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

[(2)] Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm (1) nêu trên thì trong dự toán chi ghi một dòng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

[(3)] Tổng chi của BQLDA thực hiện trong năm kế hoạch.

- Chi Khen thưởng (Số TT 4 phần B): Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.
- Chi Phúc lợi (Số TT 5 phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.

Mẫu số 02/QĐ-QLDA

BQLDA NHÓM II	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*……, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt dự toán thu, chi năm...

GIÁM ĐỐC BQLDA NHÓM II

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt dự toán thu, chi của Ban quản lý dự án... năm… như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	**PHẦN THU (DỰ TOÁN THU)**				
I	**Tổng thu**				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang				
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý				
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)				
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)				
5	Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có)				
II	**Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**				

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = (a)+(b)+ (c)+(d)**				
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)	**(a)**			
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	**(c)**			
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có)	**(b)**			
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)	**(d)**			
B	**PHẦN CHI (DỰ TOÁN CHI)**				
I	**Chi thường xuyên giao tự chủ**	**≤ (c)**			
1	Tiền lương				
2	Các khoản phụ cấp lương				
3	Các khoản trích nộp theo lương				
4	Khen thưởng				
5	Phúc lợi				
6	Thanh toán dịch vụ công cộng				
7	Mua vật tư văn phòng				
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
9	Hội nghị				
10	Thanh toán công tác phí				
11	Thuê mướn				
12	Đoàn đi công tác nước ngoài				
13	Đoàn vào				
14	Sửa chữa thường xuyên tài sản				
15	Khác				
16	Dự phòng				
II	**Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)**	**= (a)**			

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
III	**Chi không thường xuyên**				
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp	**= (b)**			
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
1.5	Khác				
2	Chi không thường xuyên theo quy định từ Quỹ	**= (d)**			
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản				
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án				
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định				
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
2.5	Khác				

Điều 2. Giám đốc BQLDA, cơ quan kiểm soát, thanh toán *(cụ thể tên cơ quan)* và các đơn vị có liên quan *(chi tiết các tên đơn vị liên quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cơ quan quản lý cấp trên;
- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Chi Khen thưởng (Số TT 4 Mục I phần B): Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Chi Phúc lợi (Số TT 5 Mục I phần B): Thực hiện theo quy định của pháp luật về phúc lợi.

Mẫu số: 01/QT-QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
Quyết toán thu, chi năm...

Căn cứ quyết định số..... ngày.... tháng.... năm.... của..... về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm.... và thực tế thu, chi năm....., chủ đầu tư (hoặc BQLDA).... lập báo cáo quyết toán thu, chi năm.... như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
A	**PHẦN THU** (1)									
	Tổng cộng									
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang									
2	Nguồn thu từ dự án được giao quản lý									
3	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị									
4	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)									
B	**PHẦN CHI** (2)									
	Tổng cộng									
1	Tiền lương									
2	Các khoản phụ cấp lương									
3	Các khoản trích nộp theo lương									
4	Khen thưởng									
5	Phúc lợi									
6	Thanh toán dịch vụ công cộng									
7	Mua vật tư văn phòng									
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền									
9	Hội nghị									

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
10	Công tác phí									
11	Thuê mướn									
12	Đoàn đi công tác nước ngoài									
13	Đoàn vào									
14	Sửa chữa tài sản									
15	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý									
16	Khác									

Dự kiến phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án được giao quản lý cụ thể như sau:

Số TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3	...			

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

KẾ TOÁN TRƯỞNG — *(Ký, ghi rõ họ tên)*

THỦ TRƯỞNG — *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

CƠ QUAN THANH TOÁN (3)

Xác nhận:

- Kinh phí đã thanh toán trong năm là:.... đồng;
- Kinh phí còn dư là:..... đồng;

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(2) Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm *(1)* nêu trên thì trong chi phí đề nghị quyết toán ghi một dòng tổng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

(3) Cơ quan thanh toán xác nhận số liệu do cơ quan mình quản lý.

- Chi Khen thưởng (Số TT 4 phần B): Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Chi Phúc lợi (Số TT 5 phần B): Thực hiện theo cơ chế tài chính của chủ đầu tư.

Mẫu số: 01.QĐ/QT-QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ

……, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quyết toán thu, chi năm....

Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án.....

Số quyết toán trong năm:

Số chuyển năm sau:

1. Quyết toán phần thu:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6=7+8	7	8
	Tổng cộng (1)						
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang						
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý						
3	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)						
4	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)						

2. Quyết toán phần chi:

2.1. Phần trích cho chủ đầu tư (trường hợp phát sinh chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư)**:** (2)

2.2. Phần BQLDA sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8
	Tổng cộng						
1	Tiền lương						
2	Các khoản phụ cấp lương						
3	Các khoản trích nộp theo lương						
4	Khen thưởng						
5	Phúc lợi						
6	Thanh toán dịch vụ công cộng						
7	Mua vật tư văn phòng						
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền						
9	Hội nghị						
10	Công tác phí						
11	Thuê mướn						
12	Đoàn đi công tác nước ngoài						
13	Đoàn vào						
14	Sửa chữa tài sản						
15	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý						
16	Khác						

Điều 2. Phân bổ giá trị quyết toán thu, chi năm…. cho **các dự án được giao quản lý** cụ thể như sau:

Số TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1	Dự án...			
2	Dự án...			

Điều 3. Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA, cơ quan thanh toán *(cụ thể tên cơ quan)* và các đơn vị có liên quan *(chi tiết các tên đơn vị liên quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đơn vị có chức năng quản lý tài chính trực thuộc cấp quyết định phê duyệt dự án đầu tư;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

(2) Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm **(1)** nêu trên thì trong chi phí đề nghị quyết toán ghi một dòng tổng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

Mẫu số: 02/QT-QLDA

BQLDA NHÓM II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ

……, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO
Quyết toán thu, chi năm……..

Căn cứ quyết định số..... ngày.... tháng.... năm.... của..... về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm.... và thực tế thu, chi năm....., BQLDA.... lập báo cáo quyết toán thu, chi năm.... như sau:

A. Phần thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
I	**Tổng cộng**									
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang									
2	Thu từ các dự án được giao quản lý									
3	Dự án bổ sung trong năm									
4	Nguồn thu hợp pháp khác									
5	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)									
II	**Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**									
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II)**									
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)									
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên									

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
3	Nguồn kinh phí NSNN hỗ trợ chi không thường xuyên (nếu có)									
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)									

B. Phần chi

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
I	**Chi thường xuyên giao tự chủ**									
1	Tiền lương									
2	Các khoản phụ cấp lương									
3	Các khoản trích nộp theo lương									
4	Khen thưởng									
5	Phúc lợi									
6	Thanh toán dịch vụ công cộng									
7	Mua vật tư văn phòng									
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc									
9	Hội nghị									
10	Công tác phí									
11	Thuê mướn									
12	Đoàn đi công tác nước ngoài									
13	Đoàn vào									
14	Sửa chữa thường xuyên tài sản									
15	Khác									

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
II	**Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)**									
III	**Chi không thường xuyên**									
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN hỗ trợ									
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản									
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án									
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định									
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)									
1.5	Khác									
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp									
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản									
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án									
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định									
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)									
2.5	Khác									

C. Sử dụng các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích năm báo cáo	Số sử dụng năm báo cáo	Số dư chuyển sang năm sau
1	2	3	4	5	6=3+4-5
	Tổng số				
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm				
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				

Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án được giao quản lý, cụ thể như sau:

TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3	....			

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

KẾ TOÁN TRƯỞNG — *(Ký, ghi rõ họ tên)*

THỦ TRƯỞNG — *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

CƠ QUAN THANH TOÁN (3)

Xác nhận:

- Kinh phí đã thanh toán trong năm là: .... đồng;
- Kinh phí còn dư là:..... đồng;

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp Ban QLDA có nhiều cơ quan thanh toán, BQLDA có trách nhiệm đối chiếu số liệu thanh toán với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

(2) Cơ quan thanh toán xác nhận số liệu do cơ quan mình quản lý.

- Chi Khen thưởng (Số TT 4 Mục I phần B): Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Chi Phúc lợi (Số TT 5 Mục I phần B): Thực hiện theo cơ chế tài chính của đơn vị SNCL.

Mẫu số: 02.QĐ/QT-QLDA

CƠ QUAN TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	*……, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Căn cứ…….

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của BQLDA….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quyết toán thu, chi năm….

Ban quản lý dự án……..

1. Quyết toán phần thu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8
	Tổng cộng						
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang						
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý						
3	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)						
4	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)						

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8
II	**Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng**						
III	**Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)**						
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)						
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên giao tự chủ						
3	Nguồn kinh phí NSNN hỗ trợ chi không thường xuyên (nếu có)						
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)						

2. Quyết toán các phần chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
I	**Chi thường xuyên giao tự chủ**									
1	Tiền lương									
2	Các khoản phụ cấp lương									
3	Các khoản trích nộp theo lương									
4	Khen thưởng									
5	Phúc lợi									
6	Thanh toán dịch vụ công cộng									
7	Mua vật tư văn phòng									
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc									
9	Hội nghị									
10	Công tác phí									

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6= 7+8	7	8	9= 10+11	10=4-7	11=5-8
11	Thuê mướn									
12	Đoàn đi công tác nước ngoài									
13	Đoàn vào									
14	Sửa chữa thường xuyên tài sản									
15	Khác									
II	**Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)**									
III	**Chi không thường xuyên**									
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN hỗ trợ									
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản									
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án									
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định									
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)									
1.5	Khác									
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp									
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản									
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án									
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định									
2.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)									
2.5	Khác									

3. Quyết toán trích lập các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
1	**Tổng số (=2+3+4)**	
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	
4	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	

Điều 2. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm…. cho **các dự án được giao quản lý;** cụ thể như sau:

TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**100**		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3	....			

Điều 3. Giám đốc BQLDA, cơ quan kiểm soát, thanh toán *(cụ thể tên cơ quan)* và các đơn vị có liên quan *(chi tiết các tên đơn vị liên quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cơ quan cấp trên của BQLDA nhóm II;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)